

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 33/2009/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu và khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và được tổ chức, hoạt động theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 29/2008/NĐ-CP).

2. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại khu kinh tế cửa khẩu.

3. Nhà đầu tư có dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã tại khu kinh tế cửa khẩu.

Điều 3. Điều kiện áp dụng

Khu kinh tế cửa khẩu và khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu được áp dụng cơ chế, chính sách tài chính theo quy định tại Quyết định này nếu bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Đối với khu kinh tế cửa khẩu:

a) Được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Có Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP.

2. Đối với khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu:

a) Có cơ quan Hải quan giám sát, kiểm tra hàng hóa và phương tiện ra, vào khu phi thuế quan.

b) Được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hệ thống tường rào, có cổng và cửa ra, vào, bảo đảm điều kiện cho sự kiểm soát của cơ quan Hải quan và các cơ quan chức năng có liên quan.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Khu kinh tế cửa khẩu* là khu kinh tế được hình thành ở khu vực biên giới đất liền có cửa khẩu quốc tế hoặc cửa khẩu chính và được thành lập theo các điều kiện, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP.

2. *Khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu* bao gồm: khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, kho bảo thuế, khu bảo thuế, kho ngoại quan, khu kinh tế thương mại đặc biệt, khu thương mại công nghiệp và các khu vực kinh tế khác được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, có quan hệ mua bán trao đổi hàng hóa giữa khu này với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quyết định này.

Chương 2.

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC I. CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG, ĐẦU TƯ

Điều 5. Nguồn vốn đầu tư hạ tầng của ngân sách nhà nước

1. Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của khu kinh tế cửa khẩu được bố trí vốn từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương.

2. Ngân sách trung ương hỗ trợ đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội quan trọng. Điều kiện, nguyên tắc, loại công trình được hỗ trợ từ ngân sách trung ương thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Việc quản lý, sử dụng, quyết toán vốn do ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Vốn huy động

1. Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội quy mô lớn, có vai trò then chốt được phát hành trái phiếu công trình theo quy định tại Nghị định số 141/2003/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

2. Toàn bộ số tiền thu từ phát hành trái phiếu được sử dụng đầu tư cho các dự án đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Các tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài được đầu tư trực tiếp vào khu kinh tế cửa khẩu, kể cả việc áp dụng các hình thức xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT), xây dựng – chuyển giao (BT), xây dựng – chuyển giao - kinh doanh (BTO).

4. Các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các dự án xây dựng công trình dịch vụ tiện ích, công cộng cần thiết của khu kinh tế cửa khẩu được đưa vào danh sách dự án kêu gọi vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Việc quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Các dự án đầu tư trong khu kinh tế cửa khẩu được vay vốn của các tổ chức tín dụng và huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

6. Đối với các khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lào Cai (tỉnh Lào Cai), Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo (tỉnh Hà Tĩnh), Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo (tỉnh Quảng Trị), Khu kinh tế cửa khẩu An Giang (tỉnh An Giang), Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài (tỉnh Tây Ninh), Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (tỉnh Kon Tum), Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn (tỉnh Lạng Sơn), Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh) và Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (tỉnh Đồng Tháp), ngoài vốn huy động quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này thì còn được huy động vốn đầu tư trực tiếp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, vốn của các doanh nghiệp có chức năng xây dựng và kinh doanh công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu kinh tế cửa khẩu; được áp dụng hình thức tín dụng đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng và huy động mọi nguồn vốn đầu tư dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Vốn từ quỹ đất khu kinh tế

Ủy ban nhân dân các tỉnh sử dụng các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại khu kinh tế cửa khẩu để đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, công trình dịch vụ, tiện ích cần thiết phục vụ chung trong khu kinh tế cửa khẩu hoặc tạo nguồn vốn giải phóng mặt bằng cho đầu tư phát triển các khu kinh tế cửa khẩu theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Vốn tín dụng nhà nước

Dự án đầu tư trong khu kinh tế cửa khẩu được hưởng chính sách tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu theo quy định tại Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006.

MỤC II. CHÍNH SÁCH THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ, TIỀN THUÊ ĐẤT VÀ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH KHÁC

Điều 9. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

1. Được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm. Trường hợp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài hơn nhưng tổng thời gian áp dụng thuế suất 10% không quá 30 năm. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kéo dài thêm thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi 10% quy định tại khoản này theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Thời gian miễn, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án

đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong 03 (ba) năm đầu từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

Điều 10. Ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân

1. Người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế cửa khẩu, có thu nhập từ việc làm tại khu kinh tế cửa khẩu thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân được giảm 50% số thuế phải nộp.
2. Thủ tục kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế thu nhập cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Ưu đãi về thuế giá trị gia tăng

1. Hàng hóa, dịch vụ sản xuất, tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu, hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu và hàng hóa, dịch vụ từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu xuất ra nước ngoài thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng.
2. Hàng hóa, dịch vụ từ các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu và hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam đưa vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%. Bộ Tài chính ban hành danh mục hàng hóa kiểm tra trước khi hoàn thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản này trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân các tỉnh có khu kinh tế cửa khẩu.
3. Hàng hóa, dịch vụ từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu đưa vào tiêu thụ tại các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu hoặc đưa vào tiêu thụ trong nội địa Việt Nam phải chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Ưu đãi về thuế tiêu thụ đặc biệt

1. Hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu hoặc nhập khẩu từ nước ngoài và từ nội địa Việt Nam vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt; riêng ô tô dưới 24 chỗ ngồi phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định.
2. Hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu xuất khẩu ra nước ngoài không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
3. Hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu đưa vào tiêu thụ tại các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu hoặc đưa vào tiêu thụ tại nội địa Việt Nam phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định.

Điều 13. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

1. Hàng hóa từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hóa đưa từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác không phải nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
2. Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu khi xuất khẩu ra nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu.
3. Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để phục vụ sản xuất của dự án đầu tư trong khu kinh tế cửa khẩu được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất. Việc phân loại chi tiết nguyên liệu, vật tư làm